TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2026
V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Thanh Toàn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Ông Hà Minh Hằng**
2. **Bà Phạm Thanh Tuyền**

***- Thư ký phiên tòa*: Ông Cao Vũ Linh –** Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 – An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – An Giang tham gia phiên tòa**:* **Ông Nguyễn Văn Toàn** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 132/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc "*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên toà số 152/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Anh Đặng Thanh T**, sinh năm 1990 *(Có mặt)*

Căn cước công dân số 091090018324 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/8/2022.

Địa chỉ: ấp A Chợ A, xã A, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* **Chị Phan Thị Kim G,** sinh năm 1996 *(Vắng mặt)*

Căn cước công dân số 060196005835 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/11/2022

Địa chỉ: ấp A Chợ A, xã A, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 10 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đặng Thanh T trình bày: Sau quá trình tìm hiểu, anh T và chị G tự nguyện về chung sống vợ chồng, hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang vào ngày 10/6/2016. Thời gian đầu vợ chồng

chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không còn phù hợp, quan điểm sống của mỗi người có sự khác biệt, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, đời sống chung không còn hạnh phúc, thường xuyên xãy ra mâu thuẫn. Tình cảm vợ chồng giữa anh T giành cho chị G hiện nay không còn, do đó anh T xin được ly hôn với chị G.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh T và chị G có hai người con chung là cháu Đặng Hoàng M, sinh ngày 19/4/2016 và cháu Đặng Ngọc Mỹ K, sinh ngày 22/4/2018. Anh T có nguyện vọng nuôi cháu M và cháu Mỹ K đến tuổi trưởng thành, anh T không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh T xác nhận không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết đã nhiều lần tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn chị Phan Thị Kim G nhưng chị G đều vắng mặt.

Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự thủ tục giải quyết vụ án. Riêng chị Phan Thị Kim G vi phạm các Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về nội dung vụ án thì xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Phan Thị Kim G có địa chỉ cư trú tại ấp A Chợ A, xã A, tỉnh An Giang, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – An Giang.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn chị Phan Thị Kim G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị G kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang nay là xã A, tỉnh An Giang vào ngày 10/6/2016. Anh T và chị G đều đã đủ tuổi trưởng thành, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn do đó có cơ sở xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, anh T và chị G thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do trong cuộc sống gia đình bà và chị G không có tiếng nói chung, mỗi người đều có quan điểm riêng của mình, không ai chịu nhường nhịn ai nên từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng. Anh T và chị G đã sống ly nhiều tháng nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị G đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ chị G để ghi nhận ý kiến của ông nhưng chị G đều vắng mặt, không trình bày ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của anh T, qua đó thể hiện chị G đã không có nguyện vọng khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa ông và anh T như trình bày của anh T, kể từ thời điểm phát sinh mâu thuẫn, nhiều lần chị G yêu cầu anh T ly hôn như lời trình bày của anh T tại phiên tòa là có cơ sở.

Từ những cơ sở nhận định trên, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Đặng Thanh T được ly hôn với chị Phan Thị Kim G như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống anh T và chị G có hai người con chung là cháu Đặng Hoàng M, sinh ngày 19/4/2016 và cháu Đặng Ngọc Mỹ K, sinh ngày 22/4/2018. Anh T có nguyện vọng nuôi 02 người con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con cùng bà. Hiện cháu M và cháu Mỹ K do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, do đó để tạo mọi điều kiện tốt nhất cho các cháu đồng thời đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên nên xét thấy cần tiếp tục giao cháu M và cháu Mỹ K cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp như nguyện vọng cùa cháu M và cháu Mỹ K cũng như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Khu vực 7 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ các Điều 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - An Giang là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Đặng Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc anh Đặng Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Đặng Thanh T được ly hôn với chị Phan Thị Kim G.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Hoàng M, sinh ngày 19/4/2016 và cháu Đặng Ngọc Mỹ K, sinh ngày 22/4/2010 cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu M và cháu Mỹ K đủ 18 tuổi, anh T không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh Đặng Thanh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc anh Đặng Thanh T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008432 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy anh T đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 7-An Giang;
- THADS An Giang;
- UBND xã An Minh, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Toàn